

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/ĐU ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Ba Dinh khóa I về đẩy mạnh phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn xã Ba Dinh giai đoạn 2026–2030

Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/ĐU ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Ba Dinh khóa I về đẩy mạnh phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn xã Ba Dinh giai đoạn 2026–2030; Ủy ban nhân dân xã Ba Dinh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/ĐU ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Ba Dinh khóa I về đẩy mạnh phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn xã Ba Dinh giai đoạn 2026–2030 (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 06-NQ/ĐU*); xác định rõ nhiệm vụ, lộ trình thực hiện, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết đã đề ra.

- Phát huy tiềm năng, lợi thế về đất đai, khí hậu, tài nguyên rừng và điều kiện tự nhiên của địa phương; đẩy mạnh phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp theo hướng hàng hóa, bền vững, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và hiệu quả sản xuất; góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, xây dựng nông thôn mới, cải thiện thu nhập và nâng cao đời sống Nhân dân.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các thôn và Nhân dân trong triển khai thực hiện Nghị quyết; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển nông, lâm nghiệp bền vững trên địa bàn xã.

2. Yêu cầu

- Quán triệt đầy đủ mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 06-NQ/ĐU; việc triển khai thực hiện phải bảo đảm đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tế của xã Ba Dinh và gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Xác định rõ nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, kết quả đầu ra, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; bảo đảm phân công rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm và rõ kết quả thực hiện.

- Việc tổ chức thực hiện phải bảo đảm tính chủ động, linh hoạt, hiệu quả; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Chủ động lồng ghép, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án, nguồn vốn hợp pháp khác và nguồn lực xã hội hóa để thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/ĐU; phát huy tiềm năng, lợi thế về đất đai, tài nguyên rừng và điều kiện tự nhiên của địa phương để phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp theo hướng hàng hóa, bền vững, hiện đại, ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm; gắn phát triển sản xuất với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên, xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống Nhân dân; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững của xã Ba Dinh đến năm 2030.

2. Các chỉ tiêu cụ thể

Các cơ quan, đơn vị tập trung tổ chức thực hiện, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết số 06-NQ/ĐU, trong đó tập trung vào các nhóm chỉ tiêu sau:

- Thu nhập bình quân đầu người tăng ổn định, đạt và vượt chỉ tiêu thu nhập trong Nghị quyết Đại hội đảng bộ xã nhiệm kỳ 2025–2030, đáp ứng yêu cầu tiêu chí thu nhập trong xây dựng nông thôn mới.

- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp tăng trưởng bền vững, đóng góp tích cực vào tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế xã. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm trong giai đoạn 2026 - 2030 của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt trên 10%/năm.

- Duy trì, ổn định và nâng cao chất lượng diện tích sản xuất lúa hiện có 585 ha/năm; từng bước áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến, giảm chi phí, nâng cao năng suất. Hình thành và phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, phấn đấu đến năm 2030 có từ 500 – 700 ha dưa và chanh dây.

- Chăn nuôi đến năm 2030: Đàn trâu: 2.611 con, đàn bò: 550 con, đàn heo: 3.346 con, đàn gia cầm 18.000 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 380 tấn.

- Có ít nhất từ 01–02 sản phẩm nông nghiệp tham gia Chương trình OCOP đạt từ 3 sao trở lên.

- Duy trì độ che phủ rừng 61,3% trở lên, diện tích rừng được quản lý, bảo vệ bền vững đạt mức cao; mở rộng diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững 2.500 ha, nâng cao thu nhập, cải thiện sinh kế cho người dân sống gần rừng, góp phần giảm nghèo bền vững.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về phát triển nông, lâm nghiệp

1.1. Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/ĐU

Tổ chức phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện đầy đủ các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 06-NQ/ĐU đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; các thôn; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia thực hiện các mục tiêu phát triển nông, lâm nghiệp; tạo sự đồng thuận, thống nhất trong tổ chức thực hiện.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.

- Cơ quan phối hợp: Phòng Văn hóa - Xã hội; Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã; Ủy ban MTTQ Việt Nam xã; các tổ chức chính trị - xã hội; các thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Thời gian thực hiện: Quý III năm 2026 và tiếp tục tuyên truyền, phổ biến trong suốt giai đoạn thực hiện Kế hoạch.

- Kết quả cần đạt: 100% cơ quan, đơn vị, thôn được phổ biến, quán triệt nội dung Kế hoạch; cán bộ, công chức, viên chức và các lực lượng tham gia thực hiện nắm rõ mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

1.2. Cụ thể hóa Nghị quyết thành các chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ hằng năm

Căn cứ mục tiêu, chỉ tiêu của Nghị quyết và Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm; lồng ghép với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án có liên quan; xác định rõ nhiệm vụ, tiến độ, sản phẩm và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị để tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.

- Cơ quan phối hợp: Phòng Văn hóa - Xã hội; Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã và các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

- Kết quả cần đạt: Kế hoạch, chương trình công tác hằng năm được ban hành đúng thời gian; các nhiệm vụ được triển khai đồng bộ, phù hợp với mục tiêu của Nghị quyết.

1.3. Nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và phối hợp thực hiện

Phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 và các cơ quan trực thuộc UBND xã trong chỉ đạo, điều hành; thực hiện nghiêm Quy chế làm việc và cơ chế phối hợp

giữa các cơ quan, đơn vị; tăng cường chế độ giao ban, kiểm tra tiến độ thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.
- Cơ quan phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc UBND xã; Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã; các thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.
- Kết quả cần đạt: Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị được thực hiện chặt chẽ; các khó khăn, vướng mắc được rà soát, tham mưu xử lý kịp thời; bảo đảm tiến độ thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch.

1.4. Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc và đánh giá kết quả thực hiện

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; định kỳ đánh giá tiến độ, chất lượng thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch; kịp thời tham mưu UBND xã điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế; tổ chức sơ kết, tổng kết theo quy định.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.
- Cơ quan phối hợp: Các phòng, đơn vị thuộc UBND xã; Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã; các thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên; sơ kết hằng năm và tổng kết vào năm 2030.
- Kết quả cần đạt: Các nhiệm vụ được theo dõi, đánh giá thường xuyên; tỷ lệ hoàn thành các nhiệm vụ và chỉ tiêu hằng năm được nâng lên; kịp thời đề xuất giải pháp xử lý những nội dung chậm tiến độ.

2. Tổ chức không gian phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp theo hướng tập trung, hiệu quả và bền vững

2.1. Rà soát hiện trạng sản xuất và tổ chức không gian phát triển nông, lâm nghiệp

Tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp; hiện trạng sản xuất cây trồng, vật nuôi; xác định tiềm năng, lợi thế của từng khu vực, từng thôn để làm cơ sở bố trí vùng sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu, vùng chăn nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên, tập quán sản xuất và định hướng phát triển của xã.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã; các thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trong năm 2026; rà soát, cập nhật hằng năm khi cần thiết.
- Kết quả cần đạt: Hoàn thành rà soát hiện trạng sản xuất; xác định được các vùng sản xuất trọng điểm, vùng nguyên liệu và vùng phát triển chăn nuôi làm cơ sở tổ chức thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết.

2.2. Phát triển vùng sản xuất tập trung gắn với sản phẩm chủ lực của địa phương

Tổ chức phát triển các vùng sản xuất tập trung đối với cây lúa, cây dứa, chanh dây và các cây trồng, vật nuôi có lợi thế; khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai trên cơ sở tự nguyện của người dân; thúc đẩy liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển vùng nguyên liệu theo Nghị quyết.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã; các thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026–2030.
- Kết quả cần đạt: Hình thành và mở rộng các vùng sản xuất tập trung theo lộ trình; diện tích vùng nguyên liệu được phát triển phù hợp với mục tiêu của Nghị quyết.

2.3. Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên phục vụ phát triển sản xuất

Tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp và nguồn nước phục vụ sản xuất; phối hợp quản lý, bảo vệ các công trình thủy lợi; hướng dẫn Nhân dân áp dụng các biện pháp sử dụng đất, nước tiết kiệm, hiệu quả; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc tham mưu xử lý các trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích, gây ảnh hưởng đến sản xuất nông, lâm nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.
- Cơ quan phối hợp: Công an xã; Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã; các thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.
- Kết quả cần đạt: Tài nguyên đất, nước phục vụ sản xuất được quản lý, khai thác hiệu quả; hạn chế tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất.

2.4. Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành

Tổ chức điều tra, cập nhật và quản lý cơ sở dữ liệu về hiện trạng sản xuất nông, lâm nghiệp; diện tích cây trồng, vật nuôi, vùng nguyên liệu, tài nguyên rừng và các chỉ tiêu phát triển nông, lâm nghiệp; từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong theo dõi, quản lý và đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã; các thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026–2027; cập nhật thường xuyên trong các năm tiếp theo.

- Kết quả cần đạt: Hình thành cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành và theo dõi các chỉ tiêu phát triển nông, lâm nghiệp trên địa bàn xã.

3. Phát triển sản xuất trồng trọt theo hướng hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng và thích ứng với biến đổi khí hậu

3.1. Phát triển sản xuất trồng trọt theo hướng hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả

Tổ chức sản xuất trồng trọt theo định hướng phát triển các cây trồng chủ lực của địa phương; duy trì ổn định diện tích lúa theo mục tiêu Nghị quyết; lựa chọn cơ cấu giống phù hợp; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, quy trình sản xuất tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất; chủ động các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu tác động của thiên tai và dịch hại đối với sản xuất.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã; các thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026–2030.

- Kết quả cần đạt: Duy trì ổn định diện tích lúa theo mục tiêu Nghị quyết; năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất trồng trọt được nâng lên; từng bước hình thành nền sản xuất thích ứng với điều kiện tự nhiên và biến đổi khí hậu.

3.2. Phát triển vùng nguyên liệu, chuyển đổi cơ cấu cây trồng gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

Tập trung phát triển vùng nguyên liệu dứa, chanh dây và các cây trồng có lợi thế của địa phương theo lộ trình phù hợp; rà soát, chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên những diện tích sản xuất kém hiệu quả; khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai trên cơ sở tự nguyện; thúc đẩy liên kết giữa người dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và thu nhập cho người dân.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã; các thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026–2030.

- Kết quả cần đạt: Vùng nguyên liệu được hình thành và mở rộng theo mục tiêu Nghị quyết; cơ cấu cây trồng được chuyển đổi phù hợp; từng bước hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm bền vững.

3.3. Tăng cường chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, quản lý dịch hại và xây dựng các mô hình sản xuất hiệu quả

Đẩy mạnh công tác khuyến nông, chuyển giao khoa học, kỹ thuật; hướng dẫn áp dụng giống mới, quy trình sản xuất tiên tiến, cơ giới hóa phù hợp; tăng cường dự tính, dự báo, phòng trừ sinh vật gây hại theo hướng quản lý tổng hợp; xây dựng,

đánh giá và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế và khả năng nhân rộng trong thực tiễn.

- Cơ quan chủ trì: Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã.
- Cơ quan phối hợp: Phòng Kinh tế; các thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.
- Kết quả cần đạt: Tăng tỷ lệ áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất; dịch hại được kiểm soát hiệu quả; các mô hình sản xuất hiệu quả được xây dựng và nhân rộng trên địa bàn xã.

4. Phát triển chăn nuôi theo hướng hàng hóa, an toàn sinh học và bền vững

4.1. Phát triển chăn nuôi theo hướng hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả

Tổ chức phát triển chăn nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên, lợi thế của địa phương và mục tiêu của Nghị quyết; duy trì, phát triển đàn vật nuôi chủ lực; khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung, bán chăn thả và chăn nuôi an toàn sinh học; từng bước cải tạo chất lượng đàn vật nuôi, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; gắn phát triển chăn nuôi với bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả nguồn thức ăn tại chỗ và nâng cao thu nhập cho người dân.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã; các thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026–2030.
- Kết quả cần đạt: Đàn vật nuôi phát triển theo mục tiêu Nghị quyết; tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp được nâng lên; hiệu quả kinh tế và thu nhập từ chăn nuôi được cải thiện.

4.2. Tăng cường công tác thú y, phòng, chống dịch bệnh động vật và quản lý hoạt động chăn nuôi

Thực hiện tốt công tác giám sát dịch bệnh, tiêm phòng vắc xin, vệ sinh, tiêu độc khử trùng; chủ động dự báo, phát hiện sớm, xử lý kịp thời các ổ dịch, không để dịch bệnh lây lan trên diện rộng; tăng cường quản lý hoạt động chăn nuôi, kiểm soát vận chuyển, giết mổ động vật theo quy định; tuyên truyền, hướng dẫn người chăn nuôi thực hiện các quy định của pháp luật về thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.

- Cơ quan chủ trì: Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã.
- Cơ quan phối hợp: Phòng Kinh tế, các thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026–2030.
- Kết quả cần đạt: Dịch bệnh động vật được kiểm soát hiệu quả; tỷ lệ tiêm phòng hàng năm đạt kế hoạch; giảm thiểu thiệt hại do dịch bệnh gây ra; hoạt động chăn nuôi được quản lý theo quy định.

4.3. Đẩy mạnh chuyển giao kỹ thuật, xây dựng mô hình và liên kết phát triển chăn nuôi

Tăng cường công tác khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi; hướng dẫn áp dụng các quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; xây dựng và nhân rộng các mô hình chăn nuôi hiệu quả; hỗ trợ hình thành các liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và phát triển chăn nuôi bền vững.

- Cơ quan chủ trì: Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã;
- Cơ quan phối hợp: Phòng Kinh tế, các thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026–2030.
- Kết quả cần đạt: Các mô hình chăn nuôi hiệu quả được xây dựng và nhân rộng; tỷ lệ hộ áp dụng tiến bộ kỹ thuật ngày càng tăng; từng bước hình thành các liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi.

5. Phát triển hạ tầng thủy lợi, bảo đảm nước tưới và giao thông nội đồng phục vụ sản xuất

5.1. Rà soát, đầu tư, nâng cấp và quản lý hiệu quả hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp

Tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng hệ thống thủy lợi trên địa bàn; xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi, kênh mương nội đồng theo thứ tự ưu tiên; chủ động huy động, lồng ghép các nguồn lực để đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi; quản lý, khai thác hiệu quả các công trình sau đầu tư, bảo đảm chủ động nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp theo mục tiêu của Nghị quyết.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã; các thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026–2030.
- Kết quả cần đạt: Hệ thống thủy lợi được rà soát, đầu tư, nâng cấp theo lộ trình; nâng cao năng lực tưới, tiêu và hiệu quả khai thác các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất.

5.2. Phát triển đồng bộ hạ tầng phục vụ sản xuất gắn với vùng sản xuất tập trung

Ưu tiên đầu tư, nâng cấp giao thông nội đồng và các công trình hạ tầng phục vụ sản xuất gắn với vùng sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu theo định hướng của Nghị quyết; tạo điều kiện thuận lợi cho cơ giới hóa, vận chuyển vật tư, tiêu thụ nông sản; tăng cường quản lý, bảo vệ và khai thác hiệu quả các công trình hạ tầng phục vụ sản xuất.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã; các thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026–2030.
- Kết quả cần đạt: Hạ tầng phục vụ sản xuất được đầu tư, nâng cấp đồng bộ theo lộ trình; đáp ứng yêu cầu phát triển vùng sản xuất tập trung, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất nông, lâm nghiệp.

6. Phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị rừng

6.1. Quản lý, bảo vệ, phát triển và nâng cao chất lượng rừng

Tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; quản lý chặt chẽ diện tích rừng hiện có; tăng cường tuần tra, kiểm tra, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp; thực hiện hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; đẩy mạnh khoanh nuôi, phục hồi rừng, trồng rừng, trồng cây phân tán và nâng cao chất lượng rừng theo mục tiêu của Nghị quyết.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.
- Cơ quan phối hợp: Công an xã; Ban Chỉ huy Quân sự xã; Hạt Kiểm lâm khu vực XIV; các thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, giai đoạn 2026–2030.
- Kết quả cần đạt: Diện tích và chất lượng rừng được duy trì, nâng cao; hạn chế các vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp; công tác phòng cháy, chữa cháy rừng được thực hiện hiệu quả; hoàn thành các chỉ tiêu về tỷ lệ che phủ rừng theo Nghị quyết.

6.2. Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với sinh kế bền vững cho người dân

Khuyến khích phát triển rừng sản xuất theo hướng bền vững; hướng dẫn Nhân dân áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong trồng, chăm sóc và khai thác rừng; phát triển các mô hình kinh tế dưới tán rừng, lâm sản ngoài gỗ và các hoạt động tạo sinh kế phù hợp; lồng ghép các chương trình, dự án để nâng cao giá trị kinh tế lâm nghiệp, góp phần tăng thu nhập cho người dân và bảo vệ tài nguyên rừng.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.
- Cơ quan phối hợp: Hạt Kiểm lâm khu vực XIV; các thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên, giai đoạn 2026–2030.
- Kết quả cần đạt: Hiệu quả kinh tế từ rừng được nâng lên; các mô hình phát triển kinh tế lâm nghiệp từng bước được nhân rộng; góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững của Nghị quyết.

7. Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

7.1. củng cố, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất và liên kết theo chuỗi giá trị

Tập trung củng cố, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp; khuyến khích thành lập, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã trong lĩnh

vực nông, lâm nghiệp; tăng cường liên kết giữa người sản xuất với doanh nghiệp trong cung ứng vật tư, chuyên giao kỹ thuật, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; ưu tiên phát triển các chuỗi liên kết đối với các sản phẩm chủ lực theo định hướng của Nghị quyết.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã; Phòng Văn hóa - Xã hội; các thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026–2030.
- Kết quả cần đạt: Các hình thức tổ chức sản xuất được củng cố, phát triển; từng bước hình thành và mở rộng các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo mục tiêu của Nghị quyết.

7.2. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và phát triển sản phẩm nông, lâm nghiệp

Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, chỉ đạo, điều hành và tổ chức sản xuất; tăng cường ứng dụng công nghệ trong truy xuất nguồn gốc, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm; xây dựng và phát triển các sản phẩm nông, lâm nghiệp có lợi thế của địa phương gắn với Chương trình OCOP, nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã; Phòng Văn hóa - Xã hội; các thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026–2030.
- Kết quả cần đạt: Khoa học, công nghệ và chuyển đổi số từng bước được ứng dụng hiệu quả trong sản xuất và quản lý; các sản phẩm chủ lực được nâng cao giá trị, từng bước xây dựng thương hiệu và phát triển sản phẩm OCOP theo mục tiêu Nghị quyết.

8. Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực và thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp

8.1. Huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển nông, lâm nghiệp

Chủ động rà soát, đề xuất nhu cầu đầu tư; lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực từ Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án, nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư phát triển nông, lâm nghiệp; ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết; khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và Nhân dân tham gia đầu tư, liên kết phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã; Phòng Văn hóa - Xã hội; các thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026–2030.

- Kết quả cần đạt: Các nguồn lực được huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả; bảo đảm nguồn lực thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Nghị quyết; tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và Nhân dân trong phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp.

8.2. Tổ chức triển khai kịp thời, hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp

Thường xuyên rà soát, phổ biến và tổ chức thực hiện đầy đủ các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh và của xã về phát triển nông, lâm nghiệp; hướng dẫn người dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp tiếp cận, thụ hưởng chính sách; kịp thời tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã; Phòng Văn hóa - Xã hội; các thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026–2030.

- Kết quả cần đạt: Các cơ chế, chính sách được triển khai đồng bộ, đúng đối tượng; người dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp được tiếp cận, thụ hưởng đầy đủ các chính sách hỗ trợ; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp, nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án, nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.. Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, Phòng Kinh tế xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao và tổng hợp chung vào dự toán của đơn vị mình để trình HĐND xã, UBND xã bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND xã cân đối, lồng ghép các nguồn lực để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chủ tịch UBND xã: Chỉ đạo, điều hành toàn diện hoạt động của Kế hoạch Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/ĐU ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Ba Dinh khóa I về đẩy mạnh phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn xã Ba Dinh giai đoạn 2026–2030.

2. Các đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã: Giúp UBND xã chỉ đạo các đơn vị thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được quy định tại Kế hoạch này.

3. Phòng Kinh tế xã: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc triển khai Kế hoạch. Tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch tại các cơ quan, đơn vị; đề xuất khen thưởng hoặc kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân triển khai chậm, không đạt yêu cầu.

4. Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã: Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch thuộc lĩnh vực khuyến nông, thú y, bảo vệ thực vật, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng mô hình sản xuất và các nhiệm vụ chuyên môn khác theo phân công. Phối hợp với Phòng Kinh tế và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn kỹ thuật, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện các mô hình, định kỳ báo cáo UBND xã theo quy định.

5. Các cơ quan, đơn vị có liên quan

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực tiếp chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND xã về kết quả thực hiện; kết quả triển khai Kế hoạch là một trong những căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu.

- Chủ động đề xuất, bố trí kinh phí, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hàng năm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao về Phòng Kinh tế xã để tổng hợp, báo cáo.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này, chịu trách nhiệm trước UBND xã về kết quả, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao. Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo định kỳ theo quy định hoặc đột xuất theo yêu cầu. Quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc báo cáo bằng văn bản gửi về UBND xã (*qua Phòng Kinh tế xã*) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- TT. Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- UBNDTTQVN, các hội đoàn thể xã;
- Các phòng, trung tâm thuộc UBND xã;
- Hạt Kiểm lâm khu vực XIV;
- Lưu: VT, KT(nga).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Ôn